

ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ NGUY CƠ CỦA BỆNH GIẢM BẠCH CẦU TRÊN MÈO DO *FELINE PANLEUKOPENIA VIRUS* (FPV) TẠI BỆNH VIỆN THÚ Y BẢO MINH CHÂU THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Đặng Thị Mỹ Tú^{1,2*}, Trần Ngọc Bích³,
Trần Thị Thảo³, Huỳnh Trường Giang³

TÓM TẮT

Đánh giá một số yếu tố nguy cơ của bệnh giảm bạch cầu trên mèo do *Feline Panleukopenia virus* (FPV) được thực hiện thông qua nghiên cứu cắt ngang trên 323 mèo đến khám và điều trị tại Bệnh viện Thú y Bảo Minh Châu Thành phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 43 trong số 323 mèo dương tính với FPV chiếm tỷ lệ 13,31% (43/323). Trong đó, khi đánh giá về tỷ lệ mèo nhiễm bệnh theo lứa tuổi, thì mèo dưới 6 tháng tuổi có tỷ lệ bệnh cao nhất (21,99%), kế đến là mèo từ 6 tháng tuổi đến dưới 2 năm tuổi (10,00%) và chưa ghi nhận ca nhiễm ở mèo trên 2 năm tuổi. Những mèo không tiêm phòng có tỷ lệ nhiễm 18,61% cao hơn mèo có tiêm phòng 7,28% ($P < 0,05$).

Từ khóa: FPV, mèo, lứa tuổi, tiêm phòng, test nhanh, yếu tố nguy cơ

ABSTRACT

Survey on epidemiological characteristics of Feline leukopenia in cats was carried out through a cross-sectional study on 323 cats who came to Bao Minh Chau veterinary hospital in Can Tho City. Results showed that there were 43 among 323 cats positive for FPV, accounting for 13.31% (43/323). In which, when assessing the rate of infected cats by age, cats under 6 months old have the highest rate (21.99%), followed by cats from 6 months old to under 2 years old (10.00%) and no cases of infection have been reported in cats over 2 years of age. Unvaccinated cats had a higher infection rate of 18.61% than vaccinated cats of 7.28% ($P < 0.05$).

Keywords: Age, cat, FPV, quick test, risk factor, vaccinated

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh giảm bạch cầu truyền nhiễm ở mèo, còn được gọi là viêm ruột truyền nhiễm hoặc

bệnh parvo mèo, là một bệnh truyền nhiễm nghiêm trọng, thường gặp ở mèo con. Tác nhân gây bệnh là do *Feline panleukopenia virus* (FPV), thuộc họ *Parvoviridae*, có khả năng tồn tại lâu ngoài môi trường và có mức độ lây lan rất cao (Rehme *et al.*, 2022; Kadam *et al.*, 2024). Virus lây lan chủ yếu qua đường miệng

¹ Trường Đại học Cửu Long

^{2,3} Trường Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ

* Người chịu trách nhiệm bài viết: Đặng Thị Mỹ Tú (Email: dangthimytu@mku.edu.vn)

hoặc mũi và xâm nhập vào các tế bào phân chia nhanh, đặc biệt là biểu mô ruột non, mô bạch huyết và tủy xương, gây nên các triệu chứng như ói, tiêu chảy, mất nước và giảm lượng bạch cầu nghiêm trọng (Nguyen & Nguyen, 2025; Chisty *et al.*, 2020).

Bệnh giảm bạch cầu trên mèo biểu hiện lâm sàng bằng các triệu chứng điển hình đặc trưng của bệnh và có tỷ lệ tử vong đến 90% tùy mức độ nghiêm trọng (Kadam *et al.*, 2024; Rehme *et al.*, 2022). Tuy nhiên, các nghiên cứu về tiên lượng và yếu tố nguy cơ của bệnh trong điều kiện nhiễm tự nhiên còn hạn chế (Nguyen & Nguyen, 2025).

Nghiên cứu của Chisty *et al.* (2020) cho thấy mèo có chỉ số sinh lý - sinh hóa yếu và không được tiêm phòng có tỷ lệ nhiễm FPV cao hơn rõ rệt, có thể do khả năng đáp ứng miễn dịch kém. Việc tiêm phòng đầy đủ giúp làm giảm nguy cơ nhiễm bệnh đáng kể. Rehme *et al.* (2022) cũng ghi nhận tỷ lệ tử vong do FPV ở mèo chưa tiêm phòng cao hơn gấp nhiều lần so với nhóm đã được chủng ngừa.

Ngoài ra, FPV là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong ở mèo con dưới 3 tháng tuổi, đặc biệt ở nhóm chưa có miễn dịch chủ động hoặc thụ động. Mèo con từ 2 – 5 tháng tuổi dễ phát hiện bệnh thông qua các dấu hiệu điển hình, trong khi mèo lớn hơn có thể biểu hiện nhẹ và khó chẩn đoán lâm sàng (Nguyen & Nguyen, 2025; Kadam *et al.*, 2024).

Các nghiên cứu về bệnh giảm bạch cầu trên mèo do FPV ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long vẫn chưa được thực hiện nhiều, do đó, đề tài này được thực hiện nhằm đánh giá mối liên hệ giữa nhóm tuổi, tình trạng tiêm phòng và tỷ lệ nhiễm bệnh tại Bệnh viện Thú y Bảo Minh Châu, TP. Cần Thơ.”

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 03 năm 2023 tại Bệnh viện Thú y Bảo Minh Châu đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả các giống mèo ở mọi lứa tuổi được mang đến khám và điều trị lần đầu tại Bệnh viện Thú y Bảo Minh Châu thành phố Cần Thơ.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Tất cả các mèo đến khám đều được chẩn đoán bệnh, thu nhập thông tin và ghi nhận vào trong phiếu khám bệnh, dùng phương pháp chẩn đoán lâm sàng và cận lâm sàng, lấy mẫu xét nghiệm những con mèo có dấu hiệu nghi nhiễm: ủ rũ, mệt mỏi, sốt cao, nôn, mất nước, viêm ruột tiêu chảy, bằng bộ test kit DFU EASY TEST® FPV, để xác định tình hình nhiễm bệnh do FPV gây ra trên mèo.

Căn cứ vào khả năng nhiễm bệnh ở từng yếu tố để đánh giá yếu tố nguy cơ, thông qua tỷ số chênh OR (odds ratio) theo công thức:

$$OR = \frac{P1}{1 - P1} \times \frac{1 - P2}{P2}$$

P1: Xác suất nhiễm bệnh của nhóm phơi nhiễm với yếu tố nguy cơ.

1-P1: Xác suất không nhiễm bệnh của nhóm phơi nhiễm với yếu tố nguy cơ.

P2: Xác suất nhiễm bệnh của nhóm không phơi nhiễm với yếu tố nguy cơ.

1-P2: Xác suất không nhiễm bệnh của nhóm không phơi nhiễm với yếu tố nguy cơ.

Các yếu tố nguy cơ bệnh FPV trên mèo

cần đánh giá như sau: Nhóm tuổi của mèo; Tình trạng tiêm phòng.

2.4. Xử lý số liệu

Số liệu khảo sát được tính toán bằng phần mềm Microsoft Excel 2016 và phân tích thống kê bằng trắc nghiệm Chi-square trong phần mềm Minitab Version 16.0. Đánh giá yếu tố nguy cơ OR bằng WinEpi.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình nhiễm bệnh giảm bạch cầu trên mèo do FPV được đem đến khám và điều trị tại Bệnh viện thú y Bảo Minh Châu thành phố Cần Thơ

Qua khảo sát 323 ca mèo bệnh tại Bệnh viện thú y Bảo Minh Châu thành phố Cần Thơ. Sử dụng phương pháp chẩn đoán lâm sàng kết hợp với test nhanh FPV những mèo nghi nhiễm bệnh giảm bạch cầu do FPV bằng test kit DFU EASY TEST® FPV. Kết quả được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ mèo nhiễm bệnh giảm bạch cầu tại Bệnh viện thú y Bảo Minh Châu thành phố Cần Thơ

Chỉ tiêu	Số lượng (con)	Tỷ lệ (%)
Mèo khảo sát	323	100,00
Mèo dương tính với FPV	43	13,31

Kết quả từ Bảng 1 cho thấy tỷ lệ mèo nhiễm bệnh giảm bạch cầu trong tổng số mèo khảo sát là 13,31%. Tỷ lệ này tương đương với kết quả của Nguyen & Nguyen (2025) tại Thành phố Hồ Chí Minh, ghi nhận tỷ lệ FPV dương tính là 12,6% thông qua phương pháp xét nghiệm nhanh. Trong khi đó, nghiên cứu của Jacobson *et al.* (2021) tại Canada cho thấy tỷ lệ nhiễm FPV thấp hơn là 11,72% (17/145).

Đáng chú ý, nghiên cứu gần đây của Rehme *et al.* (2022) tại Đức báo cáo tỷ lệ nhiễm lên đến 28,00% (42/150), cao gấp 2,1 lần so với nghiên cứu này. Sự khác biệt về tỷ lệ nhiễm bệnh có thể do khác biệt về môi trường nuôi dưỡng.

Nhìn chung, FPV có khả năng tồn tại lâu trong môi trường và dễ lây lan. Do đó, việc chủ động tiêm phòng vaccine là một biện pháp hiệu quả để giảm nguy cơ nhiễm bệnh và bảo vệ đàn mèo khỏi tác nhân gây bệnh nguy hiểm này (Chisty *et al.*, 2020; Kadam *et al.*, 2024).

3.2. Các yếu tố nguy cơ của bệnh giảm bạch cầu ở mèo do FPV

3.2.1. Tỷ lệ mèo nhiễm bệnh giảm bạch cầu theo lứa tuổi

Lứa tuổi mèo là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới khả năng đề kháng với bệnh trong quá trình khảo sát bệnh giảm bạch cầu trên mèo đã ghi nhận số lượng mèo nhiễm bệnh theo lứa tuổi được trình bày theo Bảng 2.

Bảng 2. Tỷ lệ mèo giảm bạch cầu theo lứa tuổi

Độ tuổi	Khoẻ	FPV	OR	P
≤ 6 tháng tuổi	110	31	3,99	<0,0001
> 6 tháng tuổi	170	12		

Qua kết quả Bảng 2 nhận thấy được ở giai đoạn mèo 6 tháng tuổi trở xuống có nguy cơ nhiễm bệnh cao hơn gấp 3,99 lần so với những mèo lớn hơn 6 tháng tuổi. Sự khác biệt này rất có ý nghĩa về mặt thống kê ($P < 0,05$).

Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc & *ctv.* (2021) mèo

ở nhóm tuổi từ 1-7 tháng tuổi có tỷ lệ dương tính cao nhất chiếm 48,39%, tiếp theo là nhóm tuổi từ 8-12 tháng có tỷ lệ dương tính với FPV là 36,00%, cuối cùng là mèo ở nhóm tuổi > 12 tháng tuổi có tỷ lệ nhiễm bệnh thấp nhất là 18,52%, kết quả này có ý nghĩa thống kê với $P<0,05$.

Kết quả này cũng tương tự như kết quả nghiên cứu của Islam *et al.* (2010) khi nghiên cứu về tỷ lệ nhiễm FPV của mèo tại Tangail ở Bangladesh cho thấy tỷ lệ nhiễm FPV phổ biến hơn ở mèo dưới 2 tháng (29,62%) so với mèo ở nhóm tuổi từ 2 tháng đến 1 năm (21,43%) và nhóm >1 năm tuổi (11,76%). Hầu hết mèo bị giảm bạch cầu là mèo ≤ 6 tháng tuổi (40/42) với tuổi trung bình là 77 ngày (Rehme *et al.*, 2022). Kết quả này được giải thích là ở giai đoạn dưới 6 tháng tuổi có sự thay đổi hệ vi sinh vật đường ruột và khẩu phần của thú con do chuyển từ giai đoạn bú mẹ sang giai đoạn cai sữa. Theo nghiên cứu gần đây của Kadam *et al.* (2024) và Rehme *et al.* (2022), phần lớn mèo nhạy cảm với FPV đều có nguy cơ phơi nhiễm và nhiễm bệnh trong năm đầu đời. Mèo con chưa được tiêm phòng thường chỉ được bảo vệ tạm thời nhờ kháng thể từ mẹ truyền qua sữa non, nhưng mức kháng thể này bắt đầu suy giảm sau khoảng 2 – 3 tháng tuổi.

Trong giai đoạn chuyển tiếp từ miễn dịch thụ động sang chủ động, hệ miễn dịch của mèo con vẫn chưa hoàn chỉnh, khiến chúng dễ bị mầm bệnh tấn công. Sự suy giảm kháng thể kết hợp với điều kiện tiêu hóa thay đổi (giai đoạn cai sữa) tạo điều kiện cho virus xâm nhập và gây bệnh, đặc biệt qua đường tiêu hóa. Điều này lý giải vì sao tỷ lệ nhiễm bệnh cao nhất thường gặp ở nhóm mèo dưới 6 tháng tuổi (Chisty *et al.*, 2020).

3.2.2. Tỷ lệ mèo nhiễm bệnh giảm bạch cầu theo tình trạng tiêm phòng

Trong quá trình khảo sát bệnh giảm bạch cầu do FPV trên mèo, nghiên cứu ghi nhận số lượng mèo nhiễm bệnh theo tỷ lệ tiêm phòng, kết quả được thể hiện qua Bảng 3.

Bảng 3. Tỷ lệ mèo nhiễm giảm bạch cầu theo tình trạng tiêm phòng

Tình trạng tiêm phòng	Số ca khỏe (con)	Số ca bệnh (con)	OR	P
Chưa tiêm phòng/tiêm chưa đủ liều	140	32	2,91	0,0028
Có tiêm phòng	140	11		

Kết quả từ Bảng 3 cho thấy tình trạng tiêm phòng có ảnh hưởng đáng kể đến nguy cơ nhiễm bệnh giảm bạch cầu trên mèo. Những cá thể không được tiêm vaccine hoặc tiêm không đủ liều có nguy cơ nhiễm bệnh cao hơn 2,91 lần so với nhóm mèo được tiêm phòng đầy đủ, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê rõ rệt ($P<0,05$).

Nghiên cứu của Chisty *et al.* (2020) tại Bangladesh cũng ghi nhận tỷ lệ nhiễm bệnh cao hơn ở mèo chưa tiêm phòng, cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa miễn dịch và nguy cơ nhiễm FPV. Kết quả này phù hợp với khảo sát của Rehme *et al.* (2022), trong đó 23,08% mèo chưa tiêm chủng nhiễm FPV, trong khi tỷ lệ này ở nhóm đã tiêm vaccine trước khi có dấu hiệu lâm sàng chỉ là 4,76%.

Điều này khẳng định vai trò của vaccine trong việc bảo vệ mèo khỏi nguy cơ nhiễm bệnh. Ngoài ra, việc chăm sóc tốt và cung cấp đầy đủ dinh dưỡng cũng góp phần nâng cao sức đề kháng, song tiêm phòng vẫn là giải pháp chủ động và hiệu quả nhất trong kiểm soát bệnh giảm bạch cầu ở mèo (Kadam *et al.*, 2024).

4. KẾT LUẬN

Trong 323 con mèo được đem đến bệnh viện Thú y Bảo Minh Châu, có 43 mèo nhiễm bệnh giảm bạch cầu do FPV chiếm tỷ lệ 13,31%.

Phân tích cho thấy mèo dưới 6 tháng tuổi có nguy cơ nhiễm FPV cao gấp gần 4 lần so với mèo lớn hơn. Đồng thời, mèo chưa tiêm phòng hoặc tiêm chưa đủ liều có nguy cơ nhiễm bệnh cao gấp gần 3 lần so với mèo đã được tiêm đầy đủ. Cả hai yếu tố này đều có ý nghĩa thống kê rõ rệt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chisty, N., Joseph, P. B., Abdullah, A. S., Sazed, A., & Ahasanul, H. 2020. *Clinico-epidemiological investigation of feline panleukopenia and parvoviral enteritis in the two largest pet hospitals in Bangladesh. Journal of Advanced Veterinary and Animal Research*, 7(4), 726–733. <https://doi.org/10.5455/javar.2020.g459>
- [2] Jacobson, L. S., Hartman, A., & Disler, M. 2021. *Feline panleukopenia virus infection in Canada: Prevalence and associated risk factors. Journal of Feline Medicine and Surgery*, 23(3), 210–218. <https://doi.org/10.1177/1098612X20985876>
- [3] Kadam, S., Patil, A. R., Kulkarni, D., & Deshmukh, R. 2024. *Prevalence and pathology of feline panleukopenia in domestic cats. Acta Scientific Veterinary Sciences*, 6(4), 40–47.
- [4] Nguyễn Thị Ngọc, Bùi Trần Anh Đào, Lê Văn Phan Nguyễn Thị Giang, Bùi Quang Huy, Phạm Quang Hưng, Đinh Phương Nam, & Lê Văn Hùng (2021). *Nghiên cứu tỷ lệ nhiễm Feline Panleukopenia virus (FPV) ở mèo tại Hà Nội và vùng phụ cận bằng phương pháp PCR*. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 19(1), 76–84.
- [5] Nguyen, T. T., & Nguyen, Q. N. 2025. *Prevalence of Feline Panleukopenia Virus, Feline Herpesvirus and Feline Calicivirus Infection in Cats at the Clinic, Ho Chi Minh City, Vietnam. Advances in Animal and Veterinary Sciences*, 13(2), 372–382. <https://doi.org/10.17582/journal.aavs/2025/13.2.372.382>
- [6] Rehme, T., Proksch, A. L., Rieger, A., Truyen, U., & Speck, S. 2022. *Feline panleukopenia outbreaks and risk factors in cats in animal shelters in Germany. Viruses*, 14(6), 1248. <https://doi.org/10.3390/v14061248>
- [7] Islam, M. A., Rahman, M. S., Rony, S. A., Uddin, M. J., & Rahman, A. K. M. A. (2010). *Antigenic detection of feline panleukopenia virus in local breed cats at Tangail district in Bangladesh. International Journal of BioResearch*, 2(11), 25–28.